

Số: ~~139/2024~~/CV – CNG

V/v: Giải trình số liệu chênh lệch LNST trên BCTC riêng  
giữa niên độ đã được soát xét năm 2024 so với cùng kỳ

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

**Kính gửi:**

. ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
. SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty cổ phần tập đoàn Cotana; Mã chứng khoán: CSC xin trân trọng gửi lời chào đến Quý Ủy Ban và Quý Sở.

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, của tổ chức niêm yết theo quy định của thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và quy chế 325/QĐ-SGDHN. Công ty chúng tôi, xin gửi Quý cơ quan giải trình số liệu biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét năm 2024 của Công ty mẹ so với cùng kỳ như sau:

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng giữa niên độ đã được soát xét năm 2023 là: **60.341.939.396 VNĐ**

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng giữa niên độ đã được soát xét năm 2024 là: **656.974.920 VNĐ**

Như vậy lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét năm 2024 của Công ty mẹ giảm: **59.684.964.476 VNĐ** so với cùng kỳ do những biến động sau:

STT	Chỉ tiêu	Bán niên soát xét năm 2024	Bán niên soát xét năm 2023	Chênh Lệch
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6,215,918,323	6,082,044,836	133,873,487
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1,927,154,268	60,871,797,053	(58,944,642,785)
3	Chi phí tài chính	2,492,841,185	(562,700,286)	3,055,541,471
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,729,095,071	7,257,465,746	(2,528,370,675)
5	Chi phí thuế TNDN hiện hành	191,693,421		191,693,421

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét năm 2024 giảm so với cùng kỳ.

Chúng tôi cam kết thông tin công bố trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT (Báo cáo);
- Lưu VP Cty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN COTANA



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH  
*Dinh Chi Minh Hằng*

Số: ~~138/2024~~/CV – CNG

V/v: Giải trình số liệu chênh lệch LNST trên BCTC riêng  
giữa niên độ năm 2024 trước và sau kiểm toán

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

**Kính gửi:**

. ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
. SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty cổ phần tập đoàn Cotana; Mã chứng khoán: CSC xin trân trọng gửi lời chào đến Quý Ủy Ban và Quý Sở.

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, của tổ chức niêm yết theo quy định của thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và quy chế 325/QĐ-SGDHN. Công ty chúng tôi, xin gửi Quý cơ quan giải trình số liệu biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2024 trước và sau kiểm toán của Công ty mẹ như sau:

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng giữa niên độ trước kiểm toán năm 2024 là: **949.534.470 VNĐ**

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng giữa niên độ sau kiểm toán năm 2024 là: **656.974.920 VNĐ**

Như vậy lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng giữa niên độ đã được soát xét năm 2024 của Công ty mẹ giảm: **292.559.550 VNĐ** so với trước kiểm toán do những biến động sau:

STT	Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh Lệch
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6,215,918,323	6,363,974,798	(148,056,475)
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1,927,154,268	1,926,485,588	668,680
3	Chi phí tài chính	2,492,841,185	2,454,949,971	37,891,214
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,729,095,071	4,691,390,777	37,704,294
5	Chi phí thuế TNDN hiện hành	191,693,421	113,026,265	78,667,156

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét năm 2024 giảm so với trước kiểm toán.

Chúng tôi cam kết thông tin công bố trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT (Báo cáo);
- Lưu VP Cty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN COTANA



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH  
*Dinh Chi Minh Hằng*

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024**



**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

04

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

05 - 06

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

07

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

08 - 09

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

10 - 40

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt,  
quận Hoàng Mai, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

đính kèm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/6/2024

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Cotana (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch
Bà Đào Thu Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Đỗ Lãng	Phó Chủ tịch (Hết nhiệm kỳ từ ngày 26/4/2024)
Ông Đoàn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Bùi Tiến Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Đỗ Hoàng Lan	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2024)

**Ban Tổng giám đốc**

Ông Đoàn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc – Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc – Giám đốc nhân sự
Ông Châu Trần Minh Khôi	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Văn Chính	Phó Tổng giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt,  
quận Hoàng Mai, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

đính kèm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/6/2024

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**



**Đinh Thị Minh Hằng**

**Phó Tổng giám đốc**

(Theo giấy ủy quyền số 01/2024/UQ-CNG ngày 02/01/2024)

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

Số: 2808.08 -24/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty CP Tập đoàn Cotana**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Cotana (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Trần Quốc Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0148-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>403.026.735.357</b>	<b>416.586.133.688</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>23.124.775.447</b>	<b>12.164.603.148</b>
1. Tiền	111	V.1.	23.124.775.447	12.164.603.148
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2.</b>	<b>10.600</b>	<b>7.900.014.900</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		60.428	60.428
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(49.828)	(45.528)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	7.900.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>335.424.732.473</b>	<b>352.601.635.489</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	267.744.125.164	289.844.151.733
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	12.692.778.454	9.235.101.804
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	61.421.925.351	59.956.478.448
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.434.096.496)	(6.434.096.496)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>43.966.283.676</b>	<b>43.239.265.855</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7.	43.966.283.676	43.239.265.855
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>510.933.161</b>	<b>680.614.296</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	19.407.890	48.822.858
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	491.525.271	631.791.438
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>267.408.833.704</b>	<b>269.688.609.327</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>204.000.000</b>	<b>204.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	204.000.000	204.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.056.168.173</b>	<b>32.353.919.805</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	27.881.495.146	29.170.624.278
- Nguyên giá	222		67.686.346.621	68.772.844.803
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.804.851.475)	(39.602.220.525)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	3.174.673.027	3.183.295.527
- Nguyên giá	228		3.297.468.989	3.297.468.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(122.795.962)	(114.173.462)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2.</b>	<b>234.417.085.439</b>	<b>235.470.421.465</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		229.684.737.444	229.200.127.444
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.481.878.500	7.281.878.500
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.603.377.888	5.690.377.888
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.352.908.393)	(6.701.962.367)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.731.580.092</b>	<b>1.660.268.057</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	1.731.580.092	1.660.268.057
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>670.435.569.061</b>	<b>686.274.743.015</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)



Mẫu số B 01a - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024	01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>229.126.253.430</b>	<b>239.573.503.442</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>207.705.020.020</b>	<b>212.730.770.250</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	51.176.877.641	86.538.190.696
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	3.520.342.151	7.406.403.289
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	830.116.984	1.060.792.811
4. Phải trả người lao động	314		1.837.204.412	3.037.803.496
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	186.562.541	448.683.623
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	734.123.694	842.374.353
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	57.313.800.443	39.838.396.601
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.	67.875.526.671	55.194.852.480
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		24.230.465.483	18.363.272.901
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.421.233.410</b>	<b>26.842.733.192</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17.	18.821.770.746	19.042.653.230
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15.	2.599.462.664	5.729.413.359
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.	-	2.070.666.603
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>441.309.315.631</b>	<b>446.701.239.573</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18.	<b>441.309.315.631</b>	<b>446.701.239.573</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		374.089.820.000	311.747.190.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		374.089.820.000	311.747.190.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		509.724.891	509.724.891
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.043.789.307	24.994.890.445
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.665.981.433	109.449.434.237
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		35.009.006.513	48.960.445.620
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		656.974.920	60.488.988.617
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>670.435.569.061</b>	<b>686.274.743.015</b>

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 01/2024/UQ-CNG)

Lê Thị Linh Trang

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	70.456.820.574	52.189.908.195
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		70.456.820.574	52.189.908.195
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	64.240.902.251	46.107.863.359
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.215.918.323	6.082.044.836
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1.927.154.268	60.871.797.053
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	2.492.841.185	(562.700.286)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.841.890.859	2.226.097.622
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	4.729.095.071	7.257.465.746
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		921.136.335	60.259.076.429
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	9.090.909	181.818.182
12. Chi phí khác	32	VI.6.	81.558.903	98.955.215
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(72.467.994)	82.862.967
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		848.668.341	60.341.939.396
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	191.693.421	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		656.974.920	60.341.939.396

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 01/2024/UQ-CNG)



Lê Thị Linh Trang

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

Mẫu số B 03a - DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		848.668.341	60.341.939.396
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.297.751.632	1.486.456.785
- Các khoản dự phòng	03		(349.049.674)	(2.405.570.370)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(668.680)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.935.576.497)	(60.871.797.053)
- Chi phí lãi vay	06		2.841.890.859	2.226.097.622
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.703.015.981	777.126.380
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.191.733.307	62.487.068.064
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(727.017.821)	14.901.208.170
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(26.924.450.182)	(55.166.295.642)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(41.897.067)	167.257.276
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.841.890.859)	(2.149.529.241)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(66.257.545)	(5.102.558.217)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(181.706.280)	(1.314.258.161)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(10.888.470.466)</b>	<b>14.600.018.629</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(290.636.816)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.090.909	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.900.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.684.610.000)	(59.851.470.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		3.087.000.000	260.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.926.485.588	60.871.797.053
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>11.237.966.497</b>	<b>729.950.237</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		47.043.026.684	45.716.023.997
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(36.433.019.096)	(76.425.020.990)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>10.610.007.588</b>	<b>(30.708.996.993)</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt,  
quận Hoàng Mai, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/6/2024

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024  
(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		10.959.503.619	(15.379.028.127)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.164.603.148	22.617.789.777
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		668.680	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	23.124.775.447	7.238.761.650

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**

Người lập biểu

Lê Thị Linh Trang

Kế toán trưởng

Trần Trọng Đại

Phó Tổng giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 01/2024/UQ-CNG)



Đinh Thị Minh Hằng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam được thành lập ngày 01/6/1993 theo Quyết định số 2162/QĐ-UB của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội, sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003621 ngày 04/02/2004 (đăng ký lần đầu) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 31/8/2017, Công ty đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn Cotana theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ-CNG của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam. Công ty có 24 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101482984 thay đổi lần thứ 24 ngày 26/6/2023 thì vốn điều lệ của Công ty là **311.747.190.000 đồng** (Ba trăm mười một tỷ, bảy trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là CSC.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, kinh doanh bất động sản.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa; Kinh doanh bất động sản;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt điện nước, điện lạnh, trang trí nội ngoại thất công trình;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng;
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

**Trụ sở Công ty tại:** Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**5. Cấu trúc doanh nghiệp****a) Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	51%	51%
2.	Công ty CP Xây dựng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	51%	51%
3.	Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	51%	51%
4.	Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	51%	51%
5.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital (*)	CM3-03 Camellia, KĐT An Vân Dương, Phường Thuỷ Vân, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	75,05%	67,60%

(\*) Tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 67,60%, trong đó: Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 59,85%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana là 1,454%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana là 2,423%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng Cotana là 1,454% và tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana là 2,423%.

(\*) Quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 75,05%, trong đó: Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 59,85%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana là 2,85%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana là 4,75%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng Cotana là 2,85% và quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana là 4,75%.

**b) Danh sách các công ty liên kết:**

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.	Công ty TNHH Kính Thành Nam	KCN Tiên Sơn, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất kính	25,88%	25,88%
2.	Công ty TNHH BMS Thành Nam	Cụm CN Ngọc Liệp, xã Ngọc Liệp, Quốc Oai, Tp. Hà Nội	Sản xuất cốt thép	25,09%	25,09%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)*

3.	Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	Kiến trúc cảnh quan	20,68%	20,68%
4.	Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	Tầng 2 CM3-21 Camellia Khu đô thị An Vân Dương, Phường Thủy Vân, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	Dịch vụ quản lý khu đô thị	30%	30%

**c) Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:**

Công ty có 01 chi nhánh là Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana, địa chỉ tại số 2-4-6 đường số 7, khu dân cư Conic, đường Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**7. Số lượng nhân viên**

Số lượng nhân viên tại ngày 30/6/2024 là 67 người (tại 31/12/2023: 70 người).

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Cơ sở, mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty chưa bao gồm số liệu của chi nhánh Công ty. Công ty lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (như chi tiết tại Thuyết minh số I.5) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

**2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

+ Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết**

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 30/6/2024, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**

**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**Loại tài sản cố định**

**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa vật kiến trúc	15 – 49
- Máy móc thiết bị	05 – 10
- Phương tiện vận tải	06 – 07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
- Tài sản cố định khác	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và quyền sử dụng đất không thời hạn.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Riêng quyền sử dụng đất không xác định thời gian sử dụng không được trích khấu hao.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là các khoản chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

**9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước khối lượng công trình hoàn thành, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty trong kỳ kế toán là khoản doanh thu nhận trước tiền của khách hàng đã ứng trước cho một hoặc nhiều kỳ về thuê văn phòng tại tòa nhà Cotana, Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán bất động sản, doanh thu xây dựng, cho thuê văn phòng, doanh thu cung cấp dịch vụ khác và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, cổ tức.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán Bất động sản.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- + Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- + Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- + Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- + Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào Chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Mẫu số B09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chuyển nhượng đầu tư.

**16. Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ**

**1. Tiền**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	394.996.577	366.957.741
Tiền gửi ngân hàng	22.729.778.870	11.797.645.407
<b>Cộng</b>	<b>23.124.775.447</b>	<b>12.164.603.148</b>

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2024		01/01/2024		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Tổng giá trị cổ phiếu	60.428	10.600	(49.828)	14.900	(45.528)
GTA: Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An	60.428	10.600	(49.828)	14.900	(45.528)
<b>Cộng</b>	<b>60.428</b>	<b>10.600</b>	<b>(49.828)</b>	<b>14.900</b>	<b>(45.528)</b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2024		01/01/2024		Giá trị ghi số
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số	Giá gốc	
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>229.684.737.444</b>	<b>(3.521.445.251)</b>	<b>226.163.292.193</b>	<b>229.200.127.444</b>	<b>225.444.427.628</b>
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	6.781.860.332	(1.136.548.558)	5.645.311.774	6.781.860.332	5.479.189.415
Công ty CP Xây dựng Cotana	5.100.000.000	(2.384.896.693)	2.715.103.307	5.100.000.000	2.646.971.101
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana (1)	4.463.000.000	-	4.463.000.000	4.335.000.000	4.335.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	209.479.250.000	-	209.479.250.000	209.479.250.000	209.479.250.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana (2)	3.860.627.112	-	3.860.627.112	3.504.017.112	3.504.017.112
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>8.481.878.500</b>	<b>(2.494.436.428)</b>	<b>5.987.442.072</b>	<b>7.281.878.500</b>	<b>4.596.479.013</b>
Công ty TNHH Kính Thành Nam	2.070.000.000	(737.955.874)	1.332.044.126	2.070.000.000	1.332.044.126
Công ty TNHH BMS Thành Nam	4.311.878.500	(1.756.480.554)	2.555.397.946	4.311.878.500	2.364.434.887
Công ty CP Kiến trúc và Cảnh quan Cotana Green	600.000.000	-	600.000.000	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Green Garden (3)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	300.000.000	300.000.000

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)*

<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>2.603.377.888</b>	<b>(337.026.714)</b>	<b>2.266.351.174</b>	<b>5.690.377.888</b>	<b>(260.863.064)</b>	<b>5.429.514.824</b>
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Kinh Đô	59.360.200	-	59.360.200	59.360.200	-	59.360.200
Công ty CP Đầu tư xuất nhập khẩu Thành Nam	550.000.000	(47.247.792)	502.752.208	550.000.000	(47.103.273)	502.896.727
Công ty CP Đầu tư phát triển bất động sản Hudland (4)	60.000.000	-	60.000.000	3.147.000.000	-	3.147.000.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng ICC BIG	534.017.688	-	534.017.688	534.017.688	-	534.017.688
Công ty CP Hudland Thương mại và Dịch vụ	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
Công ty CP Capella Việt Nam	500.000.000	(289.778.922)	210.221.078	500.000.000	(213.759.791)	286.240.209
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>240.769.993.832</b>	<b>(6.352.908.393)</b>	<b>234.417.085.439</b>	<b>242.172.383.832</b>	<b>(6.701.962.367)</b>	<b>235.470.421.465</b>

Tại thời điểm 30/6/2024, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 do không có giá giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sô.

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết**

Các Công ty con, Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty con và công ty liên kết trong kỳ**

- Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana: Thi công công trình.
- Công ty CP Xây dựng Cotana: Thi công công trình.
- Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana: Thuê dịch vụ.
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital: Thi công công trình.
- Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana: Mua bán hàng hóa, dịch vụ lắp đặt.
- Công ty TNHH Kính Thành Nam: Không phát sinh giao dịch.
- Công ty TNHH BMS Thành Nam: Thuê dịch vụ.
- Công ty CP Kiến trúc và Cảnh quan Cotana Green: Thi công công trình.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Green Garden: Thuê tài sản.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**Thông tin bổ sung khác**

(1) Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 12.800 cổ phiếu của Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana với số tiền là 128.000.000 đồng theo Quyết định số 04/2024/QĐ/HĐQT ngày 09/4/2024. Tại ngày 30/6/2024, Công ty nắm giữ 816.050 cổ phần, tương đương 51% vốn điều lệ của Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana.

(2) Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 35.661 cổ phiếu của Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana với số tiền là 356.610.000 đồng theo Quyết định số 05/2024/QĐ/HĐQT-CNG ngày 26/4/2024. Tại ngày 30/6/2024, Công ty nắm giữ 561.000 cổ phần, tương đương 51% vốn điều lệ của Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana.

(3) Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 120.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô Thị Green Garden với số tiền là 1.200.000.000 đồng theo Quyết định số 03/2024/QĐ/HĐQT-CNG ngày 05/1/2024. Tại 30/6/2024, Công ty nắm giữ 150.000 cổ phần, tương đương 30% vốn điều lệ của Công ty CP Dịch vụ Đô thị Green Garden.

(4) Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư phát triển Bất động sản Hudland gồm 60.000.000 đồng là của Công ty CP Tập đoàn Cotana và 3.087.000.000 đồng là của Ông Đào Ngọc Thanh ủy quyền cho Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (nay là Công ty CP Tập đoàn Cotana) theo Ủy quyền ngày 10/10/2014 của Ông Đào Ngọc Thanh. Trong kỳ, Ông Đào Ngọc Thanh đã Ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 54/2024/UQ-COTANA-CNG ngày 11/3/2024 cho Công ty thực hiện bán toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của Ông Đào Ngọc Thanh tại Công ty CP Đầu tư phát triển Bất động sản Hudland. Do đó, tại ngày 30/6/2024, số cổ phần Công ty còn nắm giữ tại Công ty CP Đầu tư phát triển Bất động sản Hudland là 12.000 cổ phần (trong đó: số cổ phần góp ban đầu là 6.000 cổ phần, số cổ phần được chia từ cổ tức là 6.000 cổ phần).

**c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	7.900.000.000	7.900.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long (*)	-	-	7.900.000.000	7.900.000.000
<b>Cộng</b>	-	-	<b>7.900.000.000</b>	<b>7.900.000.000</b>

(\*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ngày 29/12/2022 của ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long, với số tiền 7.900.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, kỳ hạn 13 tháng, phương thức trả lãi cuối kỳ. Hợp đồng tự động quay vòng khi đến ngày đáo hạn. Trong kỳ, Công ty đã tắt toán hợp đồng tiền gửi nêu trên.

**3. Phải thu của khách hàng**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Ivland	216.381.543.297	-	241.166.317.769	-
Công ty CP Tập đoàn Ecopark	13.318.067.285	-	13.986.951.824	-

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt,  
quận Hoàng Mai, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/6/2024**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	10.137.413.410	-	4.430.110.839	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển DB	3.769.375.000	(580.812.500)	4.269.375.000	(580.812.500)
Các đối tượng khác	24.137.726.172	(5.853.283.996)	25.991.396.301	(5.853.283.996)
<b>Cộng</b>	<b>267.744.125.164</b>	<b>(6.434.096.496)</b>	<b>289.844.151.733</b>	<b>(6.434.096.496)</b>

b) **Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**4. Trả trước cho người bán**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Thương mại THG	1.607.132.036	2.452.762.300
Công ty Cổ phần Đầu tư sinh thái Đại Dương	4.240.115.198	4.240.115.198
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinaconex	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và kỹ thuật Phòng cháy chữa cháy NTK	-	357.268.800
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	3.653.042.798	-
Các đối tượng khác	2.692.488.422	1.684.955.506
<b>Cộng</b>	<b>12.692.778.454</b>	<b>9.235.101.804</b>

b) **Trả trước cho người bán là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**5. Phải thu khác**

	Đơn vị tính: VND			
	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu khác	61.421.925.351	-	59.956.478.448	-
Phải thu khác	55.306.395.357	-	54.190.284.026	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển BB (1)	18.929.875.000	-	18.929.875.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển DB (1)	12.858.125.000	-	12.858.125.000	-
Công ty CP Xây dựng Kiều Lê (2)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana	5.958.212.315	-	5.958.212.315	-
Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bemes (3)	11.952.985.372	-	10.008.766.971	-
Các đối tượng khác	607.197.670	-	1.435.304.740	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Tạm ứng	6.115.529.994	-	5.766.194.422	-
Xí nghiệp 10	1.173.826.081	-	1.173.826.081	-
Xí nghiệp XD số 2	1.046.701.337	-	1.046.701.337	-
Đình Thị Minh Hằng	1.660.825.659	-	1.626.253.019	-
Các đối tượng khác	2.234.176.917	-	1.919.413.985	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>204.000.000</b>	-	<b>204.000.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	204.000.000	-	204.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>61.625.925.351</b>	-	<b>60.160.478.448</b>	-

(1) Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển BB và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển DB về chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản mà Công ty CP Tập đoàn Cotana đã được các cá nhân ủy thác đầu tư và chuyển nhượng vốn góp đầu tư tại Công ty CP Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản. Tại thời điểm 30/6/2024, Công ty chưa thu hồi được khoản chuyển nhượng vốn góp này để trả cho các nhà đầu tư cá nhân đã ủy thác.

(2) Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng Kiều Lê để thực hiện dự án khu nhà ở Kiều Lê theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 113/2018/HĐHT/Kieule - Cotana ngày 20/4/2018.

(3) Phải thu khác của Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bemes là khoản tiền mà Công ty nộp thay tiền thuê đất cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bemes theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐH TKD/Cotana-Bemes ngày 19/3/2013 do Công ty chưa làm thủ tục chuyển giao nghĩa vụ chủ đầu tư cùng với trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai liên quan đến lô đất VP5 cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bemes.

c) **Phải thu khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

**6. Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
<b>Phải thu của khách hàng</b>				
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD1	527.666.305	-	527.666.305	-
Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và Đô thị	720.914.571	-	720.914.571	-
Công ty TNHH NN MTV - Dịch vụ nhà ở và Khu đô thị	286.082.004	-	286.082.004	-
Cục thuế tỉnh Yên Bái	25.802.991	-	25.802.991	-

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt,  
quận Hoàng Mai, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/6/2024**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Công ty Phát triển số 1-TNHH MTV	1.574.946.164	-	1.574.946.164	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland	295.673.800	-	295.673.800	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển DB	3.769.375.000	3.188.562.500	4.269.375.000	3.688.562.500
Công ty TNHH BOT Quốc lộ 6 Hòa Lạc Hòa Bình	1.322.719.462	-	1.322.719.462	-
Các đối tượng khác	1.099.478.699	-	1.099.478.699	-
<b>Cộng</b>	<b>9.622.658.996</b>	<b>3.188.562.500</b>	<b>10.122.658.996</b>	<b>3.688.562.500</b>

**7. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	33.900.674.021	-	33.173.656.200
Hàng hóa bất động sản	10.065.609.655	-	10.065.609.655	-
<b>Cộng</b>	<b>43.966.283.676</b>	<b>-</b>	<b>43.239.265.855</b>	<b>-</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hạng mục thi công phần móng và thân khu nhà Dahlia Dự án Ecogarden Huế, thi công xây dựng phần hoàn thiện Block XH3, thi công xây dựng phần kết cấu thân XH2 Dự án Ecogarden Huế... và các công trình do Công ty làm nhà thầu xây dựng.

**8. Chi phí trả trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>19.407.890</b>	<b>48.822.858</b>
Chi phí trả trước khác	19.407.890	48.822.858
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.731.580.092</b>	<b>1.660.268.057</b>
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	421.475.633	1.660.268.057
Chi phí thi công lắp đặt Phòng cháy chữa cháy	360.023.328	-
Cải tạo sửa chữa tòa nhà Văn phòng	950.081.131	-
<b>Cộng</b>	<b>1.750.987.982</b>	<b>1.709.090.915</b>

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định		Đơn vị tính: VND
					khác	Cộng	
<i>Nguyên giá</i>							
Số dư ngày 01/01/2024	41.691.975.460	12.905.405.790	11.520.304.131	1.366.159.422	1.289.000.000	68.772.844.803	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.086.498.182)	-	-	(1.086.498.182)	
Số dư ngày 30/6/2024	41.691.975.460	12.905.405.790	10.433.805.949	1.366.159.422	1.289.000.000	67.686.346.621	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>							
Số dư ngày 01/01/2024	14.773.961.874	11.803.978.424	10.416.836.327	1.318.443.900	1.289.000.000	39.602.220.525	
Khấu hao trong kỳ	608.528.959	236.025.475	428.362.576	16.212.122	-	1.289.129.132	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.086.498.182)	-	-	(1.086.498.182)	
Số dư ngày 30/6/2024	15.382.490.833	12.040.003.899	9.758.700.721	1.334.656.022	1.289.000.000	39.804.851.475	
<i>Giá trị còn lại</i>							
Tại ngày 01/01/2024	26.918.013.586	1.101.427.366	1.103.467.804	47.715.522	-	29.170.624.278	
Tại ngày 30/6/2024	26.309.484.627	865.401.891	675.105.228	31.503.400	-	27.881.495.146	

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 23.967.008.006 VND (tại ngày 31/12/2023: 25.141.266.885 VND).

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.457.842.980 VND (Tại ngày 31/12/2023 là: 18.544.341.162 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**10. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	3.153.499.999	143.968.990	3.297.468.989
Số dư ngày 30/6/2024	3.153.499.999	143.968.990	3.297.468.989
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	-	114.173.462	114.173.462
Khấu hao trong kỳ	-	8.622.500	8.622.500
Số dư ngày 30/6/2024	-	122.795.962	122.795.962
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2024	3.153.499.999	29.795.528	3.183.295.527
Tại ngày 30/6/2024	3.153.499.999	21.173.028	3.174.673.027

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.153.499.999 VND (Tại ngày 31/12/2023 là 3.153.499.999 VND)

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.743.990 VND (Tại ngày 31/12/2023 là 57.743.990 VND)

**11. Phải trả người bán**

	Đơn vị tính: VND			
	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	7.995.098.897	7.995.098.897	19.003.889.053	19.003.889.053
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Đồng Tiến	-	-	5.339.034.273	5.339.034.273
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	3.176.725.599	3.176.725.599	4.249.665.438	4.249.665.438
Công ty CP HQ WIN	-	-	6.527.932.425	6.527.932.425
Công ty CP Nhôm Đô Thành	3.632.909.745	3.632.909.745	6.701.224.576	6.701.224.576
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây lắp Việt Nam	5.230.975.884	5.230.975.884	5.230.975.884	5.230.975.884
Công ty CP Tư vấn đầu tư và thương mại COTANA	-	-	243.660.768	243.660.768
Công ty TNHH Kính Thành Nam	3.573.176.543	3.573.176.543	3.573.176.543	3.573.176.543
Các đối tượng khác	27.567.990.973	27.567.990.973	35.668.631.736	35.668.631.736
<b>Cộng</b>	<b>51.176.877.641</b>	<b>51.176.877.641</b>	<b>86.538.190.696</b>	<b>86.538.190.696</b>

**b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt,  
quận Hoàng Mai, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/6/2024**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**12. Người mua trả tiền trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	3.365.121.079	7.164.528.562
Các đối tượng khác	155.221.072	241.874.727
<b>Cộng</b>	<b>3.520.342.151</b>	<b>7.406.403.289</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2024
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra	846.848.751	915.404.079	1.146.086.662	616.166.168
Thuế thu nhập cá nhân	213.944.060	44.205.783	44.199.027	213.950.816
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.060.792.811</b>	<b>962.609.862</b>	<b>1.193.285.689</b>	<b>830.116.984</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	466.845.640	191.693.421	66.257.545	341.409.764
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	164.945.798	56.405.375	41.575.084	150.115.507
<b>Cộng</b>	<b>631.791.438</b>	<b>248.098.796</b>	<b>107.832.629</b>	<b>491.525.271</b>

**14. Chi phí phải trả**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước khối lượng công trình hoàn thành	39.892.681	448.683.623
Trích trước chi phí dịch vụ	146.669.860	-
<b>Cộng</b>	<b>186.562.541</b>	<b>448.683.623</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***15. Phải trả khác**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>57.313.800.443</b>	<b>39.838.396.601</b>
Kinh phí công đoàn	109.955.120	97.711.120
Dư có TK 138	100.322.215	126.494.541
Dư có TK 141	3.117.513.019	1.922.705.518
Nguyễn Văn Dân	479.917.104	479.917.104
Xí nghiệp Mộc và Nội thất Thành Nam	2.338.182.655	1.122.800.496
Các đối tượng khác	299.413.260	319.987.918
Phải trả khác	53.986.010.089	37.691.485.422
Phạm Mạnh Long (1)	25.804.500.000	25.804.500.000
Lê Thị Vân Anh (1)	5.983.500.000	5.983.500.000
Đào Ngọc Thanh (2)	17.264.000.000	-
Các đối tượng khác	4.934.010.089	5.903.485.422
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.599.462.664</b>	<b>5.729.413.359</b>
Đào Ngọc Thanh (2)	2.389.462.654	5.476.462.654
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Thành Nam	204.000.000	204.000.000
Khách hàng của Sàn bất động sản Thành Nam	6.000.010	48.950.705
<b>Cộng</b>	<b>59.913.263.107</b>	<b>45.567.809.960</b>

(1) Là khoản phải trả các cá nhân tiền chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản mà các cá nhân đã ủy thác cho Công ty CP Tập đoàn Cotana góp vốn và chuyển nhượng vốn tại Công ty CP Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản.

(2) Khoản phải trả Ông Đào Ngọc Thanh phản ánh số tiền mà ông Đào Ngọc Thanh đã ủy thác để Công ty CP Tập đoàn Cotana chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland và các khoản đầu tư vào các dự án của Công ty.

c) **Phải trả khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.



**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/6/2024			01/01/2024			Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	67.875.526.671	67.875.526.671	49.109.562.440	36.428.888.249	55.194.852.480	55.194.852.480	
Vay ngắn hạn ngân hàng	65.726.373.987	65.726.373.987	46.960.409.756	36.428.888.249	55.194.852.480	55.194.852.480	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (1)	65.726.373.987	65.726.373.987	46.960.409.756	36.428.888.249	55.194.852.480	55.194.852.480	
Vay dài hạn cá nhân đến hạn trả (2)	2.149.152.684	2.149.152.684	2.149.152.684	-	-	-	
Đặng Thị Lê Anh	1.015.652.764	1.015.652.764	1.015.652.764	-	-	-	
Lương Ngọc Huyền	1.133.499.920	1.133.499.920	1.133.499.920	-	-	-	
b) Vay dài hạn	-	-	85.739.779	2.156.406.382	2.070.666.603	2.070.666.603	
Vay dài hạn cá nhân (2)	-	-	85.739.779	2.156.406.382	2.070.666.603	2.070.666.603	
Đặng Thị Lê Anh	-	-	37.422.130	1.022.906.462	985.484.332	985.484.332	
Lương Ngọc Huyền	-	-	48.317.649	1.133.499.920	1.085.182.271	1.085.182.271	
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.875.526.671</b>	<b>67.875.526.671</b>	<b>49.195.302.219</b>	<b>38.585.294.631</b>	<b>57.265.519.083</b>	<b>57.265.519.083</b>	

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1654947/HĐTD ngày 28/12/2023 giữa Công ty CP Tập đoàn Cotana và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội có hạn mức tín dụng 160 tỷ đồng. Lãi suất và thời hạn được quy định theo từng lần khế ước. Tài sản bảo đảm của khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội và xe ô tô con Mercedes E200 biển số 30F-946.52. Mục đích của khoản vay là phục vụ hoạt động thi công xây lắp của Công ty.

(2) Các khoản vay của các cá nhân có kỳ hạn và lãi suất được quy định cụ thể trên từng hợp đồng. Mục đích của các khoản vay là để bổ sung vốn lưu động và không có tài sản đảm bảo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>734.123.694</b>	<b>842.374.353</b>
Doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng	734.123.694	842.374.353
<b>b) Dài hạn</b>	<b>18.821.770.746</b>	<b>19.042.653.230</b>
Doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng	18.821.770.746	19.042.653.230
Công ty TNHH Công nghệ hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	4.657.313.992	4.677.471.992
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	1.669.185.379	1.694.863.379
Công ty CP Đầu tư xuất nhập khẩu Thành Nam	3.397.968.637	3.449.190.637
Đỗ Văn Bình	2.796.053.943	2.837.786.091
Công ty CP Đầu tư xây dựng ICC BIG	2.295.663.349	2.317.006.883
Các đối tượng khác	4.005.585.446	4.066.334.248
<b>Cộng</b>	<b>19.555.894.440</b>	<b>19.885.027.583</b>

c) *Doanh thu chưa thực hiện là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.*

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>255.537.400.000</b>	<b>509.724.891</b>	<b>119.815.023.712</b>	<b>375.862.148.603</b>
Tăng vốn trong năm trước	56.209.790.000	-	-	56.209.790.000
Lãi trong năm trước	-	-	60.488.988.617	60.488.988.617
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	(56.209.790.000)	(56.209.790.000)
Phân phối các quỹ	-	-	(14.644.788.092)	(14.644.788.092)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	<b>311.747.190.000</b>	<b>509.724.891</b>	<b>109.449.434.237</b>	<b>421.706.349.128</b>
Tăng vốn trong kỳ (*)	62.342.630.000	-	-	62.342.630.000
Lãi trong kỳ này	-	-	656.974.920	656.974.920
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	-	-	(62.342.630.000)	(62.342.630.000)
Phân phối các quỹ (**)	-	-	(12.097.797.724)	(12.097.797.724)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2024</b>	<b>374.089.820.000</b>	<b>509.724.891</b>	<b>35.665.981.433</b>	<b>410.265.526.324</b>

(\*) Công ty đã chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024-NQ/ĐHĐCĐ-CNG ngày 26/4/2024 với tỷ lệ quyền 100:20 (Người sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 20 cổ phiếu mới) và Thông báo số 4031/UBCK-QLCB ngày 28/6/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty CP Tập đoàn Cotana. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với giá trị 62.342.630.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 73/2009/GCNCP-VSDC-10 ngày 12/7/2024 và Quyết định số 828/QĐ-SGDHN ngày 19/7/2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết bổ sung 6.234.263 cổ phiếu của Công ty. Ngày 2/8/2024, toàn bộ số cổ phiếu này đã được giao dịch theo thông báo số 3484/TB-SGDHN ngày 25/7/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

(\*\*) Phân phối các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024-NQ/ĐHĐCĐ-CNG ngày 26/4/2024.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Huỳnh Thị Mai Dung	49.808.020.000	41.506.690.000
Đào Ngọc Thanh	110.025.610.000	91.688.010.000
Đào Thu Thủy	19.535.440.000	16.279.540.000
Các cổ đông khác	194.720.750.000	162.272.950.000
<b>Cộng</b>	<b>374.089.820.000</b>	<b>311.747.190.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	311.747.190.000	255.537.400.000
Vốn góp tăng trong kỳ	62.342.630.000	56.209.790.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	374.089.820.000	311.747.190.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>62.342.630.000</b>	<b>56.209.790.000</b>

**d) Cổ phiếu**

	30/6/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.408.982	31.174.719
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.408.982	31.174.719
- Cổ phiếu phổ thông	37.408.982	31.174.719
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.408.982	31.174.719
- Cổ phiếu phổ thông	37.408.982	31.174.719
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu		

**e) Các quỹ của công ty**

Khoản mục	01/01/2024	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				30/6/2024
Quỹ đầu tư phát triển	24.994.890.445	6.048.898.862	-	31.043.789.307
<b>Cộng</b>	<b>24.994.890.445</b>	<b>6.048.898.862</b>	<b>-</b>	<b>31.043.789.307</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ**

	30/6/2024	01/01/2024
USD	566,75	573,35

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
--	---------------------------------------	---------------------------------------

**a) Doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.102.793.839	3.592.302.196
Doanh thu hợp đồng xây dựng	66.669.481.280	48.597.605.999
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	684.545.455	-
<b>Cộng</b>	<b>70.456.820.574</b>	<b>52.189.908.195</b>

**b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.****2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
--	---------------------------------------	---------------------------------------

Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.115.613.993	2.373.014.178
Giá vốn hợp đồng xây dựng	62.110.405.258	43.734.849.181
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	14.883.000	-
<b>Cộng</b>	<b>64.240.902.251</b>	<b>46.107.863.359</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
--	---------------------------------------	---------------------------------------

Lãi tiền gửi	785.985.001	13.180.053
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.060.839.550	60.858.617.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	79.661.037	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	668.680	-
<b>Cộng</b>	<b>1.927.154.268</b>	<b>60.871.797.053</b>

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí lãi vay	2.841.890.859	2.226.097.622
Trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	76.167.950	52.000.617
Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	(425.217.624)	(2.840.798.525)
<b>Cộng</b>	<b>2.492.841.185</b>	<b>(562.700.286)</b>

**5. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	181.818.182
Thanh lý Tài sản cố định	9.090.909	-
<b>Cộng</b>	<b>9.090.909</b>	<b>181.818.182</b>

**6. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí nộp phạt thuế	81.558.903	91.846.048
Chi phí khác	-	7.109.167
<b>Cộng</b>	<b>81.558.903</b>	<b>98.955.215</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	2.124.075.825	2.937.106.837
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	51.860.886	1.408.875.531
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	108.392.124	367.676.894
Chi phí khấu hao TSCĐ	945.002.864	928.630.742
Thuế, phí, lệ phí	180.360.269	101.874.621
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	383.227.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	339.246.198	265.610.045
Chi phí bằng tiền khác	980.156.905	864.463.538
<b>Cộng</b>	<b>4.729.095.071</b>	<b>7.257.465.746</b>

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.945.334.293	18.662.419.699
Chi phí nhân công	18.542.665.599	12.016.540.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.297.751.632	1.486.456.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.903.818.177	2.712.669.698
Chi phí khác bằng tiền	2.037.445.442	1.522.942.257
<b>Cộng</b>	<b>69.727.015.143</b>	<b>36.401.028.439</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	179.005.886	60.341.939.396
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	1.060.839.550	60.858.617.000
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	563.410.140	365.194.952
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	607.228.174	(2.297.982.469)
Lỗi được chuyển và bù trừ lẫn lỗi các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	288.804.650	(2.449.465.121)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường kỳ này (1)	57.760.930	-
<b>Hoạt động chuyển nhượng bất động sản</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	669.662.455	-
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	669.662.455	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động chuyển nhượng bất động sản kỳ hiện hành (2)	133.932.491	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (3)=(1)+(2)</b>	<b>191.693.421</b>	<b>-</b>

**10. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 của Công ty CP Tập đoàn Cotana theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
<b>1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ</b>		
Tăng vốn góp của chủ sở hữu theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	62.342.630.000	56.209.790.000
Chi phí lãi vay nhập gốc	-	76.568.381
Thuế TNCN khấu trừ chi phí lãi vay	-	3.828.420
<b>2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	47.043.026.684	45.716.023.997
<b>3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	36.433.019.096	76.425.020.990

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 19/7/2024, Hội đồng quản trị của Công ty CP Tập đoàn Cotana đã có Nghị quyết số 08/2024-NQ/HĐQT-CNG thông qua việc chuyển nhượng 60.000 cổ phần tại Công ty CP Xây dựng Cotana cho ông Trần Trọng Đại. Ngày 22/7/2024 các bên đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Ngày 23/7/2024, theo biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng và giấy chứng nhận góp vốn - sở hữu cổ phần, Công ty CP Tập đoàn Cotana đã hoàn thành việc chuyển nhượng 60.000 cổ phần cho ông Trần Trọng Đại, theo đó, số cổ phần Công ty CP Tập đoàn Cotana sở hữu tại Công ty CP Xây dựng Cotana là 450.000 cổ phần và Công ty CP Tập đoàn Cotana không còn là Công ty mẹ của Công ty CP Xây dựng Cotana.

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**a) Danh sách các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana  
 Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana  
 Công ty CP Xây dựng Cotana  
 Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana  
 Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital  
 Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana  
 Công ty TNHH Kính Thành Nam

**Mối quan hệ**

Chi nhánh Công ty  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty liên kết

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Công ty TNHH BMS Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	Công ty liên kết
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	Công ty liên kết
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Ông Đào Ngọc Thanh là Chủ tịch HĐQT đến 26/7/2024
Công ty CP Tập đoàn Ecopark	Tổ chức có liên quan tới ông Bùi Tiến Hùng
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinaconex	Tổ chức có liên quan tới bà Nguyễn Thị Thu Hương
Ông Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn
Bà Đào Thu Thủy	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Tiến Hùng	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Đỗ Hoàng Lan	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Phó Chủ tịch HĐQT đến 26/4/2024
Ông Đoàn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc nhân sự
Ông Trần Trọng Đại	Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Hải Yến	Trưởng ban kiểm soát
Ông Lê Văn Đăng	Thành viên ban kiểm soát
Ông Đào Hồng Sơn	Thành viên ban kiểm soát
Bà Đặng Thu Vịnh	Người có liên quan với ông Đào Ngọc Thanh

**b) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Công ty CP Xây dựng Cotana	92.494.405	1.187.526.298
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	57.152.303	100.568.005
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	217.530.016	290.909.405
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	459.847.948	117.112.034
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	14.332.422.788	322.727.273
Công ty TNHH BMS Thành Nam	66.310.976	94.840.599
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	86.335.091	116.829.211
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	-	377.636.364
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	9.894.858.136	-
Công ty CP Tập đoàn Ecopark	-	2.897.616.219



**Mẫu số B 09a - DN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	6.272.100.940	541.197.272
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	8.831.301.867	4.275.376.978
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	12.958.611	348.270.601
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	565.286.966	295.673.228
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	201.904.856	384.052.600
<b>Góp vốn</b>		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	-	59.851.210.000
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	1.200.000.000	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	128.000.000	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	356.610.000	-
<b>Vay</b>		
Ông Trần Trọng Đại	-	8.589.340.000
<b>Cổ tức và lợi nhuận được chia</b>		
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	525.339.000	350.401.000
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	535.500.000	642.600.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	-	59.851.216.000
<b>c) Số dư với các bên liên quan</b>	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
		<i>(trình bày lại)</i>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>30.412.697.183</b>	<b>25.301.674.963</b>
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	353.586.789	246.386.611
Ông Đào Ngọc Thanh	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	460.277.545	-
Công ty CP Xây dựng Cotana	538.014.149	959.374.833
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana	206.638.619	206.638.619
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	1.796.179.515	1.880.652.297
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	10.495.406	8.441.602
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	10.137.413.410	4.430.110.839
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	1.083.118.338	1.083.118.338
Công ty TNHH BMS Thành Nam	8.906.127	-
Công ty CP Tập đoàn Ecopark	13.318.067.285	13.986.951.824
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>4.317.505.825</b>	<b>500.000.000</b>
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Cotana	164.463.027	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	3.653.042.798	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinaconex	500.000.000	500.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>6.233.612.315</b>	<b>6.233.612.315</b>
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana	5.958.212.315	5.958.212.315
Công ty TNHH BMS Thành Nam	7.300.000	7.300.000
Ông Đoàn Văn Tuấn	268.100.000	268.100.000

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

<b>Tạm ứng</b>	<b>2.331.495.942</b>	<b>2.282.353.019</b>
Ông Trần Trọng Đại	14.570.283	-
Bà Đinh Thị Minh Hằng	1.660.825.659	1.626.253.019
Ông Đoàn Văn Tuấn	121.100.000	121.100.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	520.000.000	520.000.000
Ông Châu Trần Minh Khôi	15.000.000	15.000.000
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>3.365.121.079</b>	<b>7.168.220.782</b>
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	3.365.121.079	7.164.528.562
Công ty TNHH BMS Thành Nam	-	3.692.220
<b>Phải trả người bán</b>	<b>12.570.653.588</b>	<b>26.139.316.637</b>
Công ty TNHH Kính Thành Nam	3.573.176.543	3.573.176.543
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	-	1.786.456.140
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	-	243.660.768
Công ty CP Xây dựng Cotana	81.741.375	81.741.375
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	7.995.098.897	19.003.889.053
Công ty TNHH BMS Thành Nam	288.445.803	288.445.803
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	8.625.290	719.531.705
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	623.565.680	442.415.250
<b>Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>3.937.188.899</b>	<b>3.995.160.629</b>
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	1.720.541.387	1.746.219.387
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	52.964.400	52.964.400
Công ty CP Xây dựng Cotana	1.098.468.893	1.114.863.949
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Cotana	681.033.256	691.197.930
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	384.180.963	389.914.963
<b>Phải trả khác</b>	<b>19.653.462.654</b>	<b>5.476.462.654</b>
Ông Đào Ngọc Thanh	19.653.462.654	5.476.462.654

**d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	885.943.261	956.438.302
<b>Cộng (*)</b>	<b>885.943.261</b>	<b>956.438.302</b>

(\*) Chi tiết thu nhập của từng thành viên trong 6 tháng đầu năm 2024 cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
<b>Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>42.000.000</b>	<b>99.307.692</b>
Nguyễn Đỗ Lăng Phó Chủ tịch (Hết nhiệm kỳ ngày 26/4/2024)	-	57.307.692
Bùi Tiến Hùng Thành viên	42.000.000	42.000.000

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

<b>Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và thành viên quản lý khác</b>		<b>759.983.368</b>	<b>806.184.456</b>
Đoàn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	182.715.069	180.069.516
Đinh Thị Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc tài chính	45.000.000	64.530.484
Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc nhân sự	49.471.111	71.785.754
Châu Trần Minh Khôi	Phó Tổng giám đốc	216.720.798	201.134.771
Trần Văn Chính	Phó Tổng giám đốc	164.761.595	185.434.700
Trần Trọng Đại	Kế toán trưởng	101.314.795	103.229.230
<b>Thu nhập của Ban kiểm soát</b>		<b>83.959.893</b>	<b>50.946.154</b>
Nguyễn Hải Yến	Trưởng ban kiểm soát	83.959.893	41.946.154
Hán Công Khanh	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 19/4/2023)	-	9.000.000
<b>Cộng</b>		<b>885.943.261</b>	<b>956.438.302</b>

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 01/2024/UQ-CNG)

Lê Thị Linh Trang

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng